

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẮNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2021.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

+ Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 35, phân trại số 4, Trại giam Thanh Lâm (đóng tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 16 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm ăn tại xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C mãi chơi, không tu chí làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh C không nghe dẫn đến vợ chồng thường xảy ra

cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tháng 10/2020 anh C vi phạm pháp luật, bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện đang chấp hành án tại đội 35, phân trại số 4, Trại giam Thanh Lâm. Trong thời gian anh C chấp hành án tại trại giam, chị có cho con đến thăm và động viên anh cải tạo tốt để sớm được về với mẹ con chị và gia đình thì giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 20/6/2021, anh Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị T trình bày. Nay chị T xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn. Do anh đang chấp hành án tại đội 35, phân trại số 4, Trại giam Thanh Lâm, không thể có mặt tại Toà án được, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C trình bày vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 04/6/2013, cháu Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/7/2017. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, cháu T và cháu Đ cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự lập được. Không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Nguyện vọng của anh C xin được nuôi hai cháu Nguyễn Thuỷ T và cháu Nguyễn Hải Đ cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự lập được. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C. Về con: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 04/6/2013, cháu Nguyễn Thuỷ T, sinh

ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/7/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 35, phân trại số 4, Trại giam Thanh Lâm (đóng tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá) . Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 16 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C mãi chơi, không tu chí làm ăn, chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh C không từ bỏ được, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tháng 10/2020 anh Nguyễn Văn C vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh C nhất trí. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C có ba con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 04/6/2013, cháu Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/7/2017. Qua tài liệu xác minh và lời thừa nhận của đương sự thì cả ba cháu đang ở với chị T từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, được nuôi dưỡng tốt về mọi mặt. Mặt khác anh C đang phải chấp hành án, không có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Để bảo đảm ổn định cuộc sống của các con về trước mắt cũng như sau này, xét yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ và phù hợp với

quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (chị T xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh C). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 04/6/2013, cháu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/7/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị T xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của anh C), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004293 ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt